TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **03072**

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học **TH. Vi sinh vật Môi trường (21261030) - Số Tín Chỉ: 1**
Nhóm Thi **Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1**
Ngày Thi **Giờ thi: - phút Phòng thi**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	1011080140	NGUYỄN PHƯƠNG	HIỀN	10CMT02				
2	1191080001	ĐỖ HỮU	ÁI	11HMT01			7	
3	1191080002	LÊ ĐỨC	ANH	11HMT01	0061501	NỢ HP	6	
4	1191080005	PHẠM VŨ VÂN	BÍCH	11HMT01	68164		6	
5	1191080006	ĐẶNG THỊ	BÌNH	11HMT01			7	
6	1191080011	TRƯƠNG MẠNH	CƯỜNG	11HMT01			6	
7	1191080012	ĐẶNG QUỐC	CƯỜNG	11HMT01			7	
8	1191080013	NGUYỄN KHÁNH	DÂN	11HMT01			6	
9	1191080017	PHẠM THÀNH	ĐOÀN	11HMT01			7	
10	1191080020	NGUYỄN VƯƠNG	ĐỨC	11HMT01			6	
11	1191080023	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	11HMT01			6	
12	1191080024	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	11HMT01			8	
13	1191080027	HÀ VĂN	HẢI	11HMT01			6	
14	1191080030	TRẦN THỊ CẨM	HẰNG	11HMT01			6	
15	1191080032	LÊ NGUYỄN HỒNG	HẠNH	11HMT01			8	
16	1191080035	LÊ THỊ MINH	HIỂN	11HMT01			7	
17	1191080036	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	11HMT01			6	
18	1191080038	NGUYỄN TRUNG	HƯỚNG	11HMT01		NỢ HP	7	
19	1191080039	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	11HMT01		NỢ HP		
20	1191080040	DƯƠNG VĂN	HUY	11HMT01			7	
21	1191080047	MAI MỸ	KIM	11HMT01			7	
22	1191080051	TRẦN PHƯƠNG	LINH	11HMT01			7	
23	1191080052	VÕ THỊ NGỌC	LINH	11HMT01			8	
24	1191080055	TRƯƠNG PHƯỚC	LONG	11HMT01			7	
25	1191080058	VĂN CHÂN	LÝ	11HMT01			8	
26	1191080059	PHẠM NGUYỄN NGỌC	MAI	11HMT01			8	
27	1191080060	BÙI VĂN	MÃI	11HMT01			6	
28	1191080062	NGUYỄN CÔNG	MINH	11HMT01		NỢ HP		
29	1191080063	NGUYỄN QUANG	MINH	11HMT01			7	
30	1191080065	HUỲNH NGUYỄN PHƯƠNG	MINH	11HMT01			7	
31	1191080068	NGUYỄN THỊ Y	MON	11HMT01			7	
32	1191080071	ĐÀO TRƯỜNG	NAM	11HMT01			8	

Số S/V dự thi: Số S/V đạt: Số S/V không đạt:

Tp. HCM, ngày .... tháng ... năm 201_

Cán bộ coi thi 1: Th.S Lê Thị Vu Lan

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Hai

Cán bộ chấm thi 1: Th.S Lê Thị Vu Lan

Cán bộ chấm thi 2: Nguyễn Thị Hai

Trưởng khoa / Bộ môn: GS.TS. Hoàng Hưng

TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03072

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học TH. Vi sinh vật Môi trường (21261030) - Số Tín Chỉ: 1
Nhóm Thi Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1
Ngày Thi Giờ thi: - phút Phòng thi

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	1191080074	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	11HMT01			8	
34	1191080076	PHẠM XUÂN HỒNG	NGỌC	11HMT01			8	
35	1191080077	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	11HMT01			7	
36	1191080078	NGUYỄN THANH	NHÀN	11HMT01			6	
37	1191080079	LÊ THỊ THÙY	NHIÊN	11HMT01			7	
38	1191080082	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ	11HMT01			7	
39	1191080084	NGUYỄN ĐÌNH	PHỤC	11HMT01			8	
40	1191080088	NGUYỄN PHI	RIN	11HMT01			8	
41	1191080091	TRƯƠNG HOÀNG	SỬ	11HMT01		NỢ HP		
42	1191080093	TRẦN VĂN	TÂM	11HMT01			8	
43	1191080095	NGUYỄN QUANG	THÁI	11HMT01				
44	1191080096	TRẦN ĐỨC	THẮNG	11HMT01			7	
45	1191080097	TRẦN NGHĨA	THẮNG	11HMT01			8	
46	1191080099	VÕ THỊ THANH	THẢO	11HMT01			7	
47	1191080101	NGUYỄN THỊ	THIỆP	11HMT01			7	
48	1191080106	TRẦN THỊ THANH	THÚY	11HMT01			7	
49	1191080108	BÙI THỊ NGỌC	THỦY	11HMT01			7	
50	1191080109	ĐINH THỊ	THỦY	11HMT01			8	
51	1191080113	LÊ MỸ	TỊNH	11HMT01			7	
52	1191080117	ĐẶNG HOÀNG	TRUNG	11HMT01		NỢ HP	6	
53	1191080119	NGUYỄN VĂN	TÙNG	11HMT01			7	
54	1191080120	LƯƠNG THIỆN	TÙNG	11HMT01			6	
55	1191080123	NGUYỄN THỊ MAI	UYÊN	11HMT01			8	
56	1191080125	PHẠM CÔNG	VIÊN	11HMT01			7	
57	1191080127	BÙI DUY	VĨNH	11HMT01			8	
58	1191080129	LÊ THANH	VƯƠNG	11HMT01			8	
59	1191080130	VÕ THỊ	YẾN	11HMT01			7	

Số S/V dự thi: 59 Số S/V đạt: 50 Số S/V không đạt:

Tp. HCM, ngày .... tháng ... năm 201_

Cán bộ coi thi 1: Ths. Lê Thị Vu Lan
Cán bộ coi thi 2: Nữ Thị Hai
Cán bộ chấm thi 1: Th.S Lê Thị Vu Lan
Cán bộ chấm thi 2: Nữ Thị Hai
Trưởng khoa / Bộ môn: GS.TS. Hoàng Hưng

TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **03073**

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học **TH. Vi sinh vật Môi trường (21261030) - Số Tín Chỉ: 1**
Nhóm Thi **Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1**
Ngày Thi **Giờ thi: - phút** **Phòng thi**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	1091081100	BÙI DANH	TOÀN	11HMT02		NỢ HP	X	0
2	1191080003	NGUYỄN THỤY NGUYỆT	ÁNH	11HMT02			7	7
3	1191080004	NGUYỄN NGỌC	BẮC	11HMT02		NỢ HP	X	0
4	1191080007	VÕ THANH	BÌNH	11HMT02		NỢ HP	X	0
5	1191080014	TRẦN VĂN	ĐẰNG	11HMT02		NỢ HP	7	7
6	1191080015	TRẦN CHÍ	ĐẠO	11HMT02			7	7
7	1191080018	ĐẶNG VĂN	ĐÔNG	11HMT02			7	7
8	1191080021	ĐẶNG THỊ MỸ	DUNG	11HMT02			X	0
9	1191080022	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	11HMT02			7	7
10	1191080025	NGUYỄN THỊ	HÀ	11HMT02			8	8
11	1191080026	PHAN HOÀNG	HẢI	11HMT02		NỢ HP	6	6
12	1191080028	PHẠM VĂN	HẢI	11HMT02		NỢ HP	7	7
13	1191080029	TRẦN HỮU	HẢI	11HMT02		NỢ HP	7	7
14	1191080033	THẠCH THANH	HIỀN	11HMT02			7	7
15	1191080034	TRẦN NGUYỄN ĐỨC	HIỀN	11HMT02		NỢ HP	9	9
16	1191080041	VÕ CHÍ	HUY	11HMT02			7	7
17	1191080043	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	11HMT02			8	8
18	1191080045	NGUYỄN ĐÌNH	KHIÊM	11HMT02			7	7
19	1191080046	NGUYỄN VĂN	KIỂN	11HMT02			7	7
20	1191080048	HUỲNH THỊ MỸ	LAN	11HMT02			7	7
21	1191080053	PHAN THỊ BÍCH	LOAN	11HMT02		NỢ HP	7	7
22	1191080056	LÊ THÀNH	LONG	11HMT02			7	7
23	1191080057	NGUYỄN THỊ THANH	LY	11HMT02			8	8
24	1191080061	HỒ TIẾN	MÃO	11HMT02			8	8
25	1191080064	TRẦN XUÂN	MINH	11HMT02			8	8
26	1191080067	NGÔ THỊ	MƠ	11HMT02			6	6
27	1191080069	LƯU THỊ YẾN	MY	11HMT02			8	8
28	1191080070	MAI THỊ	MỸ	11HMT02			7	7
29	1191080073	TRẦN GIANG	NAM	11HMT02			8	8
30	1191080075	HUỲNH CÔNG	NGHỊ	11HMT02			7	7
31	1191080080	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	11HMT02		NỢ HP	X	0
32	1191080081	TRẦN VĂN	PHI	11HMT02		NỢ HP	X	0

Số S/V dự thi: Số S/V đạt: Số S/V không đạt:

Tp. HCM, ngày .... tháng ... năm 201_

Cán bộ coi thi 1:	Cán bộ coi thi 2:	Cán bộ chấm thi 1:	Cán bộ chấm thi 2:	Trưởng khoa / Bộ môn:
Th.S Lê Thị Vu Lan	Nguyễn Thị Hai	Th.S Lê Thị Vu Lan	Nguyễn Thị Hai	GS.TS. Hoàng Hưng

TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03073

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học TH. Vi sinh vật Môi trường (21261030) - Số Tín Chỉ: 1
Nhóm Thi Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1
Ngày Thi Giờ thi: - phút Phòng thi

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	1191080083	NGUYỄN VĂN	PHỤ	11HMT02			7	
34	1191080086	ĐỖ THỊ	PHƯƠNG	11HMT02			7	
35	1191080089	PHAN VĂN	RỚT	11HMT02			7	
36	1191080090	LÊ VŨ TRƯỜNG	SƠN	11HMT02			7	
37	1191080094	VÕ VĂN	TÂM	11HMT02			8	
38	1191080102	NGUYỄN TẤN	THỊNH	11HMT02		NỢ HP	X	
39	1191080103	NGUYỄN THỊ KIM	THƯ	11HMT02			6	
40	1191080104	TRẦN THỊ ANH	THƯ	11HMT02			7	
41	1191080105	NGUYỄN THỊ	THÚY	11HMT02			6	
42	1191080107	PHAN THỊ	THỦY	11HMT02		NỢ HP	8	
43	1191080110	VŨ THỊ THU	THỦY	11HMT02			7	
44	1191080111	HUỲNH QUANG	TIẾN	11HMT02			7	
45	1191080114	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	11HMT02			7	
46	1191080116	CAO THỊ KIỀU	TRANG	11HMT02			8	
47	1191080122	LÊ THỊ KIM	TUYẾN	11HMT02	61261		7	
48	1191080124	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	11HMT02			8	
49	1191080128	DƯƠNG HOÀI	VŨ	11HMT02			8	
50	1191080131	VƯƠNG THỊ THÙY	CHI	11HMT02			8	
51	1191080132	HOÀNG THỊ	LỆ	11HMT02			7	

Số S/V dự thi: Số S/V đạt: Số S/V không đạt: Tp. HCM, ngày .... tháng ... năm 201_

Cán bộ coi thi 1: Th.S Lê Thị Vu Lan
Cán bộ coi thi 2: Võ Thị Hai
Cán bộ chấm thi 1: Th.S Lê Thị Vu Lan
Cán bộ chấm thi 2: Võ Thị Hai
Trưởng khoa / Bộ môn: GS.TS. Hoàng Hưng